

Bản án số: 58/2026/HS-ST  
Ngày 29-5-2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Việt.

Bà Hoàng Thị Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2026/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/HSST-QĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Phùng Văn Đ, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1987, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Xón B, xã L, tỉnh Phú Thọ. Căn cước công dân số: 020087011786 cấp ngày: 25/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn H và bà Lý Thị M; có vợ: Bùi Thị L; con: Có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật và bị xử lý lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/01/2026 đến nay, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lý Thị D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phùng Văn H, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

2. Anh Phùng Văn Đ2, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

3. Anh Phùng Văn L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1, Anh Phùng Văn H1, vắng mặt.

2, Anh Phùng Văn T, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/8/1993, ông Phùng Văn H, sinh năm 1947, trú tại Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện V (cũ), tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính lâm nghiệp xã P (cũ), nay là tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính lâm nghiệp xã Đ, thuộc thôn H, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 10,0 ha, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, trên thửa đất là toàn bộ các cây tự nhiên (*có sổ giao quản lý rừng*). Đối chiếu với bản đồ hiện trạng rừng xã P năm 2024 (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) thì lô rừng trên có trạng thái là rừng tự nhiên núi đất nghèo, thuộc lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 255A.

Đến cuối năm 2024, do sức khỏe của ông Phùng Văn H đã già yếu nên cùng 03 người con trai là Phùng Văn L, sinh năm 1980, Phùng Văn Đ2, sinh năm 1983, cùng trú tại Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn và Phùng Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại xóm B, xã L, tỉnh Phú Thọ, thống nhất chia một phần thửa đất số 24 cho các con trai là Phùng Văn Đ và Phùng Văn Đ2, diện tích mỗi người được hưởng khoảng 2,5ha, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, chỉ chia đất bằng miệng, không lập văn bản, giấy tờ thể hiện việc chia đất. Khu rừng Phùng Văn Đ được chia có địa danh C thuộc thôn H, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Đến đầu tháng 11/2025, Phùng Văn Đ có nhu cầu trồng cây keo trên diện tích đất rừng đã được chia nên đã liên lạc qua Zalo cho Phùng Văn Đ2 và Phùng Văn L nói “*các anh ở nhà không có việc làm, em thuê các anh lên phát rừng để trồng keo, mỗi ngày em trả cho 300.000 đồng/ngày*”, L và Đ2 đồng ý. Từ đầu tháng 11/2025 đến giữa tháng 12/2025, L và Đ2 dùng dao quắm, bạt lửa, máy cưa xăng để phát, chặt, đốt, cưa các cây tự nhiên ở khu rừng của Đ, các loại cây gồm: kháo ngựa, sau sau, thành ngạnh và một số loại cây tự nhiên khác thuộc nhóm gỗ thông thường, có đường kính khoảng từ 06cm đến 41cm, số lượng 680 cây và tổng khối lượng khoảng gần 40m<sup>3</sup> khối gỗ. Đến ngày 03/12/2025, Đ chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Agribank số 8409205036437 của Đ2 để Đ2 đưa cho L 5.000.000 đồng, Đ2 giữ lại 5.000.000 đồng, đây là tiền công cắt cây, đốt dọn thửa đất trên. Đến ngày 09/12/2025, Đ2 bán cho Phùng Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, 02 xe

tải với số lượng khoảng 14m<sup>3</sup> gỗ với giá 2.800.000 đồng, số tiền này Đ2 đã dùng để trả tiền mua xăng chạy máy cưa hết. Phùng Văn T đã sử dụng số gỗ trên làm củi đun phục vụ sinh hoạt gia đình hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được số gỗ này. Sau đó, Đ bảo Đ2 và L thuê thêm người dọn dẹp, đào hố để trồng cây keo nên Đ2 và L đã thuê anh Phùng Văn H1, sinh năm 1985, trú tại Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, với giá 300.000 đồng/ngày. Đến ngày 18/12/2025, khi Đ2 và H đang dọn dẹp và đào hố trồng cây keo thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, Hạt Kiểm lâm khu vực V, Ủy ban nhân dân xã Đ, Công an xã Đ phối hợp kiểm tra và lập biên bản sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Văn L và Phùng Văn Đ2 đều khai nhận biết khu rừng mình chặt phá là rừng sản xuất là rừng tự nhiên, tuy nhiên cả hai đều khẳng định khi được thuê, Đ đã nói hồ sơ, giấy tờ xin khai thác rừng Đ đã làm thủ tục xin cấp phép khai thác và được Nhà nước cho khai thác rừng hợp pháp. Quá trình thuê người chặt phá không có hợp đồng bằng văn bản, không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ. Ngày 25/12/2025, Phùng Văn Đ đã đến Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn để đầu thú, khai nhận phù hợp với lời khai của Đ2, L và tài liệu chứng cứ thu thập được.

Kết quả xác minh ngày 19/12/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn xác định: thửa đất số 24 nêu trên đã giao cho ông Phùng Văn H quản lý, sử dụng, không có hồ sơ, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, chấp thuận đề nghị khai thác gỗ trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên, mọi hoạt động khai thác, chặt phá rừng tại thửa đất này không có căn cứ pháp lý hợp lệ. Gia đình ông Phùng Văn H cũng không có hồ sơ xin cấp phép khai thác rừng nào.

Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp của ông Kiềng Mạnh H - Giám định viên tư pháp theo vụ việc lĩnh vực lâm nghiệp, công tác tại Hạt Kiểm lâm khu vực V - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lạng Sơn ngày 12/01/2026, kết luận:

*“Tổng diện tích rừng bị chặt, cưa phá: Thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính lâm nghiệp xã P cũ (thôn H, xã P, huyện V cũ), nay thuộc thôn H, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, thuộc lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 255A diện tích rừng bị chặt phá là 6.685,4 m<sup>2</sup> (sáu nghìn sáu trăm tám mươi lăm phẩy bốn mét vuông); số gốc cây tự nhiên bị chặt, cắt gốc kiểm đếm được có 680 (sáu trăm tám mươi) gốc cây bị cắt, có đường kính gốc từ 06 cm đến 41 cm, tương đương với 1.017 cây/10.000 m<sup>2</sup> (1,0 ha).*

*Tại thời điểm giám định các cây gỗ bị chặt, cắt còn nguyên phần gốc, một số gốc bị đốt sém, khoảng cách gốc tương đối đều nhau, trải đều trên khu rừng*

bị phá; thân, cành đã bị cắt khúc. Phía dưới khu rừng bị phá có nhiều khúc gỗ bị cắt ngắn có chiều dài 1,0 m, nhiều cấp kính khác nhau.

- Khối lượng lâm sản bị chặt, cưa phá tại thời điểm giám định: Trên diện tích chặt phá: 6685,4 m<sup>2</sup> thuộc lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 255A, bản đồ hiện trạng rừng xã P cũ năm 2024 (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) có tổng khối lượng lâm sản bị chặt, cưa phá: 24,3565 m<sup>3</sup> (hai mươi bốn phẩy ba năm sáu năm mét khối) trong đó: khối lượng gỗ: 24,0405 m<sup>3</sup> (hai mươi bốn phẩy không bốn không năm mét khối), thực vật rừng ngoài gỗ: Củi tại hiện trường 0,316 m<sup>3</sup> quy đổi ra tương đương: 0,4514 ster (Căn cứ theo Điều 3, Điều 4 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

- Loài cây bị chặt, cưa phá gồm Kháo, Sau Sau, Thành ngạnh và một số cây tự nhiên khác thuộc nhóm gỗ thông thường.

- Loại rừng: Vị trí chặt, cưa phá rừng thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính lâm nghiệp xã P cũ (thôn H, xã P, huyện V cũ), nay thuộc thôn H, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, thuộc lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 255A bản đồ hiện trạng rừng năm 2024 xã P cũ, có tọa độ là X:0426249, Y:2431139 (đo bằng máy GPS:GARMIN GPSmap 76CSx). Đối chiếu với Bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, tỉ lệ 1/100.000 theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì diện tích bị chặt, cưa phá trên thuộc quy hoạch Rừng sản xuất.

- Trạng thái rừng: Căn cứ theo hiện trạng thực tế tại thời điểm giám định, khối lượng gỗ bị chặt, cưa phá là 24,0405 m<sup>3</sup> tương đương với 35,9597 m<sup>3</sup>/1ha. Toàn bộ diện tích 6685,4 m<sup>2</sup> rừng bị chặt, cưa phá thuộc lô 25, khoảnh 1, tiểu khu 255A có trạng thái là rừng tự nhiên lá rụng thường xanh và nửa rụng lá nghèo kiệt, ký hiệu TXK. (Căn cứ theo Phụ lục VI, Phân chia trạng thái rừng Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp, rừng tự nhiên lá rụng thường xanh và nửa rụng lá nghèo kiệt, trừ lượng trên 1 ha ( $10\text{m}^3 \leq M \leq 50\text{m}^3$ )”

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã Đ kết luận:

- Tổng giá trị bị thiệt hại gỗ là:  $24,0405 \text{ m}^3 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^3 = 7.212.000$  đồng (làm tròn) (Số tiền bằng chữ: bảy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

- Giá trị thiệt hại số củi đã tạm giữ tại hiện trường là:  $0,316\text{m}^3 \times 200.000$  đồng /m<sup>3</sup> = 63.000 đồng (làm tròn) (Số tiền bằng chữ: Sáu mươi ba nghìn đồng).

- Giá trị  $14m^3$  củi mà ông Phùng Văn Đ2 đã bán cho ông Phùng Văn T là 2.800.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị thiệt hại gỗ, củi là: 7.212.000 đồng + 63.000 đồng + 2.800.000 đồng = 10.075.000 đồng (mười triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Xác định thiệt hại môi trường rừng: giá trị thiệt hại về môi trường đối với diện tích rừng 6.685,4  $m^2$  là 5.666.210 đồng.

- Xác định thiệt hại về quyền sử dụng rừng: không xác định được giá trị thiệt hại về quyền sử dụng rừng đối với diện tích rừng 6.685,4  $m^2$ .

Tổng giá trị thiệt hại gỗ, củi và môi trường rừng là 15.741.210 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo Kết luận định giá vào ngân sách nhà nước, ngoài ra Ủy ban nhân dân xã Đ không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm. Bị cáo Phùng Văn Đ đã nộp 15.742.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn để bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số 62/CT-VKSKV3, ngày 17/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phùng Văn Đ về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản cáo trạng truy tố. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Văn H, Phùng Văn Đ2, Phùng Văn L không có yêu cầu đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phùng Văn Đ phạm tội Hủy hoại rừng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn xử lý theo quy định: 24,3565 $m^3$  gỗ các loại, trong đó: khối lượng gỗ: 24,0405 $m^3$ , thực vật rừng ngoài gỗ: củi tại hiện trường 0,316 $m^3$  quy đổi ra tương đương 0,4514 ster.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước: 01 máy cưa xăng cầm tay màu đỏ nhãn hiệu BDK Special 5900; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, mật khẩu mở máy: 147258, số IMEI: 353110101250306, bên trong lắp sim mạng Viettel số thuê bao: 0962.512.031, máy cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại, có chiều dài khoảng 45cm, bản lưỡi (chiều rộng) khoảng 08cm, mũi dao bằng, màu đen, đã qua sử dụng; 01 con dao quắm bằng kim loại, có chiều dài khoảng 45cm, bản lưỡi (chiều rộng) khoảng 06cm, cong ở mũi dao, màu đen, đã qua sử dụng; 01 bật lửa bằng nhựa, màu đỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị thiệt hại gỗ, củi và môi trường rừng là 15.741.210 đồng. Bị cáo Phùng Văn Đ đã nộp 15.742.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn. Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử được giảm nhẹ về hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt Nguyên đơn dân sự, những người làm chứng nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và phiên tòa đã mở lần thứ hai. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Từ đầu tháng 11/2025 đến giữa tháng 12/2025, tại khu rừng có địa danh C thuộc thôn H, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, Phùng Văn Đ đã thuê Phùng Văn L, Phùng Văn Đ2 dùng dao quắm, bật lửa, máy cưa xăng để phát, chặt, đốt, cưa các cây tự nhiên, đến ngày 18/12/2025 thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, lập biên bản. Kết luận của giám định viên tư pháp theo vụ việc lĩnh vực lâm nghiệp xác định tổng diện tích rừng bị chặt phá là 6.685,4m<sup>2</sup>, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, có 680 gốc cây bị chặt với tổng khối lượng gỗ các loại là 24,3565m<sup>3</sup>, giá trị thiệt hại gỗ, củi và môi trường rừng là 15.741.210 đồng. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phùng Văn Đ phạm tội Hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng số 62/CT-VKSKV3, ngày 17/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phùng Văn Đ phạm tội Hủy hoại rừng tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án Hủy hoại rừng, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích trước mắt nên dẫn đến phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và răn đe làm gương cho những người khác.

[5] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt; về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo ra đầu thú và có bố đẻ là ông Phùng Văn H được Bộ Tư lệnh Quân khu 1, Bộ Quốc phòng quyết định trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, quyết định trợ cấp một lần đối với dân công hoả tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích trên khi lượng hình cần quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bảo đảm tính giáo dục và có tính răn đe, phòng ngừa chung. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thật sự hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương là phù hợp, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, tự giác cải tạo tốt trở thành người có ích cho xã hội. Qua xác minh bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị thiệt hại gỗ, củi và môi trường rừng là 15.741.210 đồng. Bị cáo Phùng Văn Đ đã nộp 15.742.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn để bồi thường thiệt hại, số tiền nộp thừa là 790 đồng bị cáo đề nghị sung ngân sách nhà nước. Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo Kết luận định giá vào ngân sách nhà nước, ngoài ra Ủy ban nhân dân xã Đ không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- 24,3565m<sup>3</sup> gỗ các loại, trong đó: khối lượng gỗ: 24,0405m<sup>3</sup>, thực vật rừng ngoài gỗ: củi tại hiện trường 0,316m<sup>3</sup> quy đổi ra tương đương 0,4514 ster là củi, gỗ tự nhiên thu giữ tại hiện trường nên giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn xử lý theo quy định.

- 01 máy cưa xăng cầm tay màu đỏ nhãn hiệu BDK Special 5900 có lắp lam nhãn hiệu STIHL, chiều dài khoảng 80cm là của Phùng Văn Đ2 đã dùng để cắt củi gỗ huỷ hoại rừng, tại phiên tòa Phùng Văn Đ2 không yêu cầu lấy lại nên tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước.

- 01 con dao bằng kim loại, có chiều dài khoảng 45cm, bản lưỡi (chiều rộng) khoảng 08cm, mũi dao bằng, màu đen, đã qua sử dụng của Phùng Văn Đ đã dùng chặt củi, gỗ huỷ hoại rừng tại phiên tòa Phùng Văn Đ không yêu cầu lấy lại, con dao không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 con dao quắm bằng kim loại, có chiều dài khoảng 45cm, bản lưỡi (chiều rộng) khoảng 06cm, cong ở mũi dao, màu đen, đã qua sử dụng; 01 bật lửa bằng nhựa, màu đỏ của Phùng Văn L đã dùng chặt củi, gỗ, đốt cây củi huỷ hoại rừng, tại phiên tòa Phùng Văn L không yêu cầu lấy lại, con dao, bật lửa không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, mặt khóa mở máy: 147258, số IMEI: 353110101250306, bên trong lắp sim mạng Viettel số thuê bao: 0962.512.031, máy cũ, đã qua sử dụng là của bị cáo Phùng Văn Đ đã dùng liên lạc thuê chặt phá rừng nên tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước.

[9] Luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật và các vấn đề khác liên quan đến vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Đối với ông Phùng Văn H, là người được Ủy ban nhân dân huyện V (cũ) giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, do tuổi cao sức yếu nên ông đã giao rừng cho các con quản lý. Việc khu rừng bị huỷ hoại ông H không biết, không tham gia nên không xem xét xử lý.

[11] Đối với Phùng Văn L, Phùng Văn Đ2 được Phùng Văn Đ thuê chặt cây để lấy tiền công. L và Đ2 không biết việc khai thác rừng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép. L và Đ2 chỉ là lao động làm thuê, không có nghĩa vụ cũng như điều kiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ khai thác, không hưởng lợi từ sản phẩm gỗ, không quyết định diện tích rừng bị phá nên không xem xét xử lý.

[12] Đối với Phùng Văn T, là người đã mua lâm sản mà Phùng Văn Đ2 bán cho từ thửa rừng bị chặt phá, T khai nhận do gia đình làm nghề bán bánh gai, bánh dày được nấu bằng bếp củi nên khoảng đầu tháng 12/2025, T mua của Đ2 02 xe củi, khối lượng khoảng 14m<sup>3</sup> với giá 2.800.000 đồng. Sau đó, T chở củi về

nhà và đã sử dụng hết. T không biết đó là lâm sản bị chặt phá từ hoạt động vi phạm pháp luật nên không xem xét xử lý.

[13] Đối với Phùng Văn H1, là người được Phùng Văn Đ2 thuê đào hố để trồng cây, H1 không tham gia trao đổi, thực hiện hoặc biết việc chặt phá rừng như thế nào. Khi khu rừng đã bị chặt phá, H1 mới được thuê dọn dẹp, đào hố để trồng cây với giá tiền công là 300.000 đồng/ngày nên không xem xét xử lý.

[14] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 331; khoản 1 Điều 333, của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Văn Đ phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phùng Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 29 tháng 5 năm 2026 và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phùng Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án:

Giao Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn xử lý theo quy định: 24,3565m<sup>3</sup> gỗ các loại, trong đó: khối lượng gỗ: 24,0405m<sup>3</sup>, thực vật rừng ngoài gỗ: Củi tại hiện trường 0,316m<sup>3</sup> quy đổi ra tương đương 0,4514 ster.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước: 01 máy cưa xăng cầm tay màu đỏ nhãn hiệu BDK Special 5900; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, mật khẩu mở máy: 147258, số IMEI: 353110101250306, bên trong lắp sim mạng Viettel số thuê bao: 0962.512.031, máy cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại, có chiều dài khoảng 40cm, bản lưỡi (chiều rộng) khoảng 08cm, mũi dao bằng, màu đen, đã qua sử dụng; 01 con dao quắm bằng kim loại, có chiều dài khoảng 45cm, bản lưỡi (chiều rộng) khoảng 06cm, cong ở mũi dao, màu đen, đã qua sử dụng; 01 bật lửa bằng nhựa, màu đỏ.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn. Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn).

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phùng Văn Đ phải bồi thường thiệt hại gỗ, củi và môi trường rừng là 15.741.210 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Phùng Văn Đ đã nộp 15.742.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lạng Sơn theo Biên lai thu tiền số 0000488 ngày 08/4/2026 và Biên lai thu tiền số 0000728 ngày 28/5/2026, số tiền nộp thừa là 790 đồng sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Phùng Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lạng Sơn (PV06);
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Bị cáo, nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Đức**

- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP;